

Bản án số: 55/2023/HSST
Ngày 12 - 9 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH VĨNH PHÚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu

Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đoan và ông Hoàng Văn Khảm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2023/TLST - HS ngày 04 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2023, đối với:

1. Bị cáo C, sinh ngày 10/10/1977; sinh trú quán: thôn G, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; Đảng, Đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mạc Văn Ch và bà Nguyễn Thị H; vợ Nguyễn Thị Hồng Đ, có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 1518/HSPT ngày 31/10/2003 Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 09 năm tù về tội: “Giết người”, ngày 24/10/2007 được đặc xá tha tù trước thời hạn, đã được xóa án tích. Tại bản án số 26/2019/HSST ngày 7/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 02/8/2020 chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/4/2023, hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

2. Bị cáo N, sinh ngày 01/6/1976; sinh trú quán: thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; Đảng, Đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Khắc T và bà Nguyễn Thị T (đã chết); vợ Nguyễn Thị Th, có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: 01. Tại bản án số 164/2020/HSST ngày 10/11/2020 Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 26/12/2022 chấp hành xong án phạt tù; nhân thân: Tại bản án số 13/HSST ngày 23/7/2003 Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 15 tháng tù về tội: “Chống người thi hành công vụ”, ngày 26/8/2004 chấp hành xong, đã được xóa án tích. Tại bản án số 56/HSST ngày 09/5/2005 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và Bản án số 757/2005/HSPT ngày 28/7/2005 Tòa Phúc thẩm tại Hà Nội Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 08 năm tù về tội: “Cướp tài sản” và tội: “Hiếp dâm”, ngày 19/12/2010 chấp hành xong, đã được xóa án tích. Tại Quyết định số 06 ngày 24/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng, ngày 02/6/2019 chấp

hành xong; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/4/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

3. Bị cáo B, sinh ngày 01/01/1954; sinh trú quán: thôn G, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; Đảng, Đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị H1 (đã chết); vợ Nguyễn Thị S, có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 42/HSST ngày 26/11/2007 Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 24/7/2015 chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích. Tại bản án số 92/2012/HSST ngày 28/11/2012 Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 31/8/2009 chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/4/2023, hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10h ngày 14/4/2023, N gọi điện thoại cho C hỏi mua 500.000đ heroine. C đồng ý, hẹn N ra đầu làng thôn G, xã Y để trao đổi mua bán ma túy. Tại điểm hẹn, N đưa cho C 500.000đ, C cầm tiền đi mua ma túy, N đứng đợi. Khoảng 5 phút sau, C quay lại đưa cho N 01 gói ma túy rồi C đi về nhà. Mua được ma túy, N mua 02 chiếc xi lanh, 01 lọ nước cất và tìm chỗ sử dụng. Khi N đang đi trên đoạn đường thôn Y1, xã Y thì bị tổ công tác Công an tỉnh Vĩnh Phúc bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tang vật thu giữ gồm: Tại túi quần bên phải phía trước N đang mặc 01 gói giấy, loại giấy kẻ màu trắng bên trong chứa chất bột cục màu trắng niêm phong ký hiệu A1; tại túi quần bên trái phía trước N đang mặc 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA loại trắng đen, 02 xi lanh, 01 lọ nước cất chưa sử dụng.

Ngày 14/4/2023, C tự nguyện giao nộp 01 gói bọc bên ngoài bằng mảnh giấy kẻ màu trắng bên trong chứa chất bột cục màu trắng, niêm phong ký hiệu A2; 01 chiếc điện thoại di động Iphone màu trắng.

C khai nhận, số ma túy C bán cho N và số ma túy C giao nộp cho cơ quan điều tra có nguồn gốc: Sau khi nhận 500.000đ của N thì C đến nhà B; tại thôn Gia, xã Y mua 02 gói ma túy giá 520.000đ (500.000đ của N, 20.000đ của C). Mua được ma túy, C quay lại đưa cho N 01 gói, gói ma túy còn lại C mang về nhà cất giấu mục đích bán kiếm lời. Chiều ngày 14/4/2023, C chưa kịp bán thì cơ quan điều tra triệu tập làm việc nên C đã giao nộp cho cơ quan điều tra.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của B. Quá trình khám xét, B tự nguyện giao nộp: 01 túi nilon màu xanh bên trong có 04 gói giấy đều chứa chất bột, cục màu trắng B khai nhận là heroine của B tàng trữ để sử dụng, niêm phong ký hiệu A3, 01 chiếc điện thoại di động NOKIA.

Về nguồn gốc số ma túy bị thu giữ, B khai nhận: Ngày 10/4/2023, B gọi điện thoại cho một người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ hỏi mua 900.000đ tiền ma túy, người này đồng ý và mang 04 gói ma túy đến đưa cho B rồi nhận 900.000đ. B không nhớ, không lưu số điện thoại của người này, mua được ma

túy B đã xóa cuộc gọi với người này. Vì vậy, cơ quan điều tra không có đủ căn cứ để xác minh làm rõ.

Quá trình điều tra, B không thừa nhận việc bán ma túy cho C. Cơ quan điều tra đối chất giữa B và C nhưng không làm rõ được nội dung này. C không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình là đúng nên không có căn cứ xác định B bán ma túy cho C ngày 14/4/2023.

Tại bản kết luận giám định số 1047/KLGD ngày 18/4/2023 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chất bột, cục màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định có khối lượng 0,2758g (không phẩy hai bảy năm tám gam, không kể bao bì) là ma túy, loại heroine. Chất bột, cục màu trắng của mẫu ký hiệu A2 gửi giám định có khối lượng 0,0913g (không phẩy không chín một ba gam, không kể bao bì) là ma túy, loại heroine. Chất bột, cục màu trắng của mẫu ký hiệu A3 gửi giám định có khối lượng 0,6660g (không phẩy sáu sáu sáu không gam, không kể bao bì) là ma túy, loại heroine.

Tại Cáo trạng số: 56/CT-VKSYL ngày 10 tháng 8 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố C về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; N, B về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố C phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”; N, B phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 251 điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, phạt: C từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 14/4/2023.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, phạt: B từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 14/4/2023;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, phạt: N từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 14/4/2023;

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; xử lý vật chứng và tính án phí theo quy định pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình đã thực hiện như nội dung Cáo trạng truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do

đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng, thể hiện như sau: Khoảng 10h30 ngày 14/4/2023, tại đoạn đường thuộc thôn G, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, C có hành vi bán trái phép 01 gói ma túy cho N. N mang gói ma túy vừa mua đến đoạn đường thôn Y1, xã Y tìm chỗ sử dụng thì bị Công an tỉnh Vĩnh Phúc bắt quả tang; theo kết luận giám định là heroine có khối lượng 0,2758g. Ngoài ra, C còn giao nộp cho cơ quan điều tra 01 gói ma túy theo kết luận giám định là heroine có khối lượng 0,0913g, mục đích để C bán kiếm lời.

Khoảng 16h ngày 14/4/2023, khám xét khẩn cấp nơi ở của B, Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã phát hiện hành vi tàng trữ trái phép 04 gói ma túy theo kết luận giám định là heroine có khối lượng 0,6660g.

[3]. Hành vi của C đã phạm vào tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Điều luật quy định: “*Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm*”.

Hành vi của N, B đã phạm vào tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự: “*1. Người nào..., tàng trữ trái phép... chất ma túy, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

...
c. Heroine...có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Các bị cáo có sức khỏe nhưng không chịu khó lao động mà đã chơi bời dẫn đến nghiện ma túy. Bị cáo N có 01 tiền án. Tại bản án số 164/2020/HSST ngày 10/11/2020 Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Về nhân thân, các bị cáo đã nhiều lần bị xét xử về nhiều tội khác nhau, nhiều lần bị các cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính, đã được xóa án tích, xóa tiền sự nhưng không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân trở thành người có ích cho xã hội mà vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Điều đó chứng tỏ các bị cáo coi thường pháp luật. Do vậy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo N có 01 tiền án, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo C có bố là ông Mạc Văn C được thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, Huy chương kháng chiến hạng nhì; Bị cáo N có bố là ông Nguyễn Khắc T được tặng thưởng Huân chương Chiến sỹ giải phóng hạng nhì nên các bị cáo C, N

được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy không có tài sản, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Đối với đối tượng bán ma túy cho B, B không biết họ tên, tuổi, địa chỉ nên cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra xác minh, không đề cập xử lý.

[8]. Về xử lý vật chứng: Mẫu vật A1 = 0,2439g, A2 = 0,0475g, A3 = 0,6272g hoàn trả sau giám định cùng bao gói, 02 chiếc xi lanh, 01 lọ nước cất cần tịch thu tiêu hủy; 03 chiếc điện thoại (01 chiếc nhãn hiệu NOKIA của N, 01 chiếc nhãn hiệu Iphone 5 của C và 01 chiếc nhãn hiệu NOKIA của B) các bị cáo sử dụng để liên lạc mua bán, tàng trữ ma túy nên cần tịch thu, phát mại sung quỹ nhà nước.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo C phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”; các bị cáo N, B phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 251 điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, phạt: C 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 14/4/2023.

2.2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, phạt: B 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 14/4/2023;

2.3. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, phạt: N 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 14/4/2023;

3. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy mẫu vật A1 = 0,2439g, A2 = 0,0475g, A3 = 0,6272g hoàn trả lại sau giám định cùng bao gói, 02 chiếc xi lanh, 01 lọ nước cất.

Tịch thu bán phát mại sung quỹ nhà nước 01 chiếc nhãn hiệu NOKIA của N, 01 chiếc nhãn hiệu Iphone 5 của C và 01 chiếc nhãn hiệu NOKIA của B.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/8/2023)

4. Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc các bị cáo C, B, N mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam Công an Vĩnh Phúc;
- Công an huyện Y;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị cáo;
- Lưu VP, HSVA.

Nguyễn Song Lưu